

Số: 2484 /QĐ-UBND

Cam Lâm, ngày 07 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy chế quản lý
quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và mức đạt chuẩn nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND huyện Cam Lâm Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung (tỷ lệ 1/5000) xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 1080/TTr-KTHT ngày 06/12/2018 về việc phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc (Quy chế đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Cam Thành Bắc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Huyện Ủy;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ CAM THÀNH BẮC, HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2484 /QĐ-UBND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Cam Lâm)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng	3
CHƯƠNG II	3
KHÁI QUÁT CÁC THÔNG SỐ CHÍNH THEO QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI ĐƯỢC DUYỆT.....	3
Điều 2. Vị trí, ranh giới xã.....	3
Điều 3. Quy mô, tính chất xã	4
Điều 4. Quy hoạch sử dụng đất.....	4
CHƯƠNG III.....	4
QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	5
Điều 5. Khu vực dân cư	5
Điều 6. Khu vực các công trình công cộng.....	7
Điều 7. Định hướng không gian vùng sản xuất	7
Điều 8. Khu vực tôn giáo, di tích cần bảo tồn	8
CHƯƠNG IV.....	8
QUẢN LÝ CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	8
Điều 9. Quy định chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật	8
Điều 10. Hệ thống giao thông.....	8
Điều 11. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa	9
Điều 12. Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc.....	9
Điều 13. Hệ thống cấp nước	10
Điều 14. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường	10
CHƯƠNG V.....	10
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM	10
Điều 15. UBND xã.....	11
Điều 16. Trách nhiệm của trưởng thôn.....	11
Điều 17. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.....	11
CHƯƠNG VI.....	11
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 18. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định.....	11
Điều 19. Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan	12
Điều 20. Mọi vi phạm các điều khoản.....	12
Điều 21. Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới	12

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1.1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn xã thực hiện theo đúng Quy chế này.

1.2. Quy chế quản lý Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Cam Thành Bắc quy định việc sử dụng đất đai, cải tạo xây dựng, bảo tồn tôn tạo và sử dụng các công trình trên địa bàn xã theo đúng Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới đã được phê duyệt tại Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND huyện Cam Lâm.

1.3. Hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Cam Thành Bắc và các quy định tại Quy chế này là căn cứ để UBND xã Cam Thành Bắc, phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm giới thiệu địa điểm, cấp phép xây dựng và thoả thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình và dự án xây dựng, quản lý xây dựng, lập các dự án đầu tư trên địa bàn xã đúng theo quy hoạch và pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Việc bổ sung, điều chỉnh hay thay đổi Quy chế này phải do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

1.4. UBND huyện Cam Lâm giao cho phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm; phối hợp với các ban, ngành, phòng chức năng khác để hướng dẫn UBND xã Cam Thành Bắc (Chủ đầu tư), các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch đã được duyệt.

1.5. Chủ tịch UBND xã và các phòng ban chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về việc quản lý xây dựng tại đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

KHÁI QUÁT CÁC THÔNG SỐ CHÍNH THEO QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI ĐƯỢC DUYỆT

Điều 2. Vị trí, ranh giới xã

Xã Cam Thành Bắc là xã đồng bằng ven biển cách trung tâm huyện Cam Lâm 1,5km về phía Nam, có vị trí tiếp giáp giới hạn như sau:

+ Phía Đông: Giáp đầm Thủy Triều;

+ Phía Tây: Giáp xã Cam Hiệp Nam, Cam An Nam;

- + Phía Nam: Giáp phường Cam Nghĩa – Tp. Cam Ranh;
- + Phía Bắc: Giáp thị trấn Cam Đức.

Điều 3. Quy mô, tính chất xã

3.1. Quy mô: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên toàn xã là 2.096,19 ha; dân số dự kiến đến năm 2020 là 17.596 người.

3.2. Tính chất: Là xã nông nghiệp kết hợp phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại. Quy hoạch phát triển các điểm dân cư, cơ sở sản xuất phát triển kinh tế và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của xã.

Điều 4. Quy hoạch sử dụng đất

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã **2.096,19 ha**.

- Diện tích các khu chức năng theo bảng sau (được phê duyệt theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND huyện Cam Lâm):

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng/giảm (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	2.096,19	100,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	1.369,98	65,36	-203,87
1.1	Đất lúa nước	350,07	16,70	-7,10
1.2	Đất trồng cây hàng năm	296,45	14,14	-27,84
1.2.1	Đất trồng rau sạch	24,80	1,18	
1.2.2	Đất trồng cây hàng năm	271,65	12,96	-52,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	651,83	31,10	-155,45
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	71,63	3,42	-13,49
2	Đất phi nông nghiệp	631,57	30,13	180,84
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,77	0,04	0,02
2.2	Đất quốc phòng	239,06	11,40	-11,16
2.3	Đất khu công nghiệp	40,00	1,91	40,00
2.4	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	23,11	1,10	-3,24
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,68	0,13	-0,08
2.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,91	0,23	-0,44
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	18,59	0,89	0,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng	286,80	13,68	146,57
2.8.1	Đất giao thông	275,53		145,97
2.8.2	Đất thủy lợi	11,27		0,60
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	15,65	0,75	9,16

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng/giảm (ha)
2.9.1	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,07		0,01
2.9.2	Đất cơ sở văn hóa	8,41		8,29
2.9.3	Đất cơ sở y tế	0,18		0,15
2.9.4	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	5,00		0,24
2.9.5	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1,20		0,51
2.9.6	Đất chợ	0,79		-0,03
3	Đất chưa sử dụng	8,30	0,40	8,30
	Đất dự trữ công cộng	8,30		
4	Đất khu dân cư nông thôn	86,34	4,12	14,73
	Trong đó: Đất ở tại nông thôn	86,34		

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 5. Khu vực dân cư (các điểm dân cư trên địa bàn xã; các quy định đối với khu vực làng xóm cũ cải tạo, khu dân cư phát triển mới)

5.1. Quản lý theo quy hoạch được duyệt gồm: Điểm dân cư trung tâm xã, điểm dân cư phát triển mới và điểm dân cư cải tạo và phát triển. Cụ thể như sau:

- Điểm dân cư trung tâm xã:

+ Vị trí: Khu trung tâm xã là phần đất thuộc các thôn: Lam Sơn, Tân Phú, Tân Quý, Suối Cam.

+ Diện tích: 92 ha.

+ Dân số dự kiến đến 2020: 1.510 người, diện tích đất dân cư 7,41ha, bình quân 49,07m²/người.

+ Tính chất: Khu trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục của xã.

+ Khu ở trung tâm: Nhà ở chính trang, nhà vườn, ở kết hợp dịch vụ - thương mại.

+ Xây mới các công trình như: UBND xã, nhà văn hóa xã, trạm y tế, trường mẫu giáo, sân TDTT, công viên cây xanh....

- Phát triển điểm dân cư mới (dự kiến đến 2020)

+ Vị trí: Phần đất thuộc thôn Tân Sinh Đông, Tân Sinh Tây.

+ Diện tích: 80ha.

+ Dân số dự kiến đến 2020: 1.064 người, diện tích đất dân cư 5,22ha, bình quân 49,07m²/người.

+ Không gian: Nhà ở chỉnh trang, nhà vườn. Xây dựng mới các công trình công cộng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí cho nhân dân.

- Điểm dân cư cải tạo và phát triển

+ Khu vực dân cư dọc theo Quốc lộ 1A, các khu dân cư hiện có tiếp tục phát triển và mở rộng đất ở trên diện tích tích tồn xóm cũ. Chỉnh trang, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật để cuộc sống người dân cũng như giá trị cảnh quan nông thôn mới được cải thiện.

+ Khu dân cư dọc đường ven đầm Thủy Triều là khu ở gắn với ngành nghề nuôi trồng đánh bắt thủy sản.

+ Khu dân cư dọc đường Đồng Bà Thìn – Suối Cát, đây là khu ở gắn liền với kinh tế vườn (trồng xoài, rau sạch, trồng lúa), phát triển rộng về phía Nam và Bắc, trục không gian chính là đường Đồng Bà Thìn – Suối Cát.

+ Khu dân cư thôn Tân Sinh Tây, chỉnh trang, phát triển kiên cố hóa hệ thống kênh mương-thủy lợi và hệ thống giao thông thôn-xóm. Sử dụng đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất chưa sử dụng chuyển thành đất ở.

5.2. Quy định kiến trúc đối với công trình nhà ở

- Đối với nhà ở chỉnh trang và nhà ở liên kế:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 80%.

+ Tầng cao tối đa: 4 tầng.

+ Hình thức kiến trúc: Kiến trúc hiện đại, màu sắc phong phú nhưng không cầu kỳ, phù hợp kiến trúc nhà ở, đồng nhất và hài hòa trên mỗi đoạn phố.

+ Chỉ giới xây dựng: Được xác định tùy thuộc lộ giới, chiều cao công trình, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, được xác định tùy thuộc vào cảnh quan và hiện trạng xây dựng của từng khu vực.

- Đối với đất ở nhà vườn:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 60%.

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ Hình thức kiến trúc: Kiến trúc đơn giản, đẹp, khuyến khích mái dốc lợp ngói, thiết kế cây xanh cảnh quan sân vườn, tạo không gian ở truyền thống xanh, đẹp và ấm cúng trong một khu đô thị nhà vườn.

+ Chỉ giới xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu là 3m.

- Đối với nhà ở tái định cư:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 80%.

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ Hình thức kiến trúc: Kiến trúc hiện đại, màu sắc phong phú nhưng không cầu kỳ, phù hợp kiến trúc nhà ở, đồng nhất và hài hòa trên mỗi đoạn phố.

+ Chỉ giới xây dựng: Được xác định tùy thuộc lộ giới, chiều cao công trình, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, được xác định tùy thuộc vào cảnh quan và hiện trạng xây dựng của từng khu vực.

Điều 6. Khu vực các công trình công cộng (quy định về kiến trúc, chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi... đối với các công trình xây dựng mới và cải tạo)

- Đối với các công trình hành chính, văn hoá, TDTT, y tế, giáo dục, TMDV, khi thiết kế cần tuân thủ các quy định việc áp dụng các chỉ tiêu cho từng lô đất cụ thể, và phải đảm bảo các chỉ tiêu thiết kế kỹ thuật theo tiêu chuẩn ngành.

- Các công trình kiến trúc cần đảm bảo tính dân tộc, có dây chuyền công năng hiện đại, màu sắc hài hoà với cảnh quan xung quanh, khuyến khích các công trình mái dốc lợp ngói, sử dụng vật liệu địa phương, hình thức kiến trúc đơn giản, thoáng và đảm bảo có điều kiện môi trường tốt. Tăng cường hệ thống cây xanh hợp lý để làm dịu không khí nóng cho công trình.

- Chiều cao tối đa cho các công trình công cộng là 3 tầng, chiều cao tối thiểu tầng một 3,6m, khoảng lùi công trình công cộng theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tối thiểu là 3m.

- Công trình xây dựng mới có mật độ xây dựng nettô trong từng khu đất được quy định phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng tương ứng với tầng cao cụ thể trong từng lô đất, đồng thời phù hợp với các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, tối đa là 40%.

- Các công trình cải tạo: mật độ xây dựng sẽ được xem xét cụ thể, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn ngành.

Điều 7. Định hướng không gian vùng sản xuất

Quản lý theo quy hoạch được duyệt bao gồm các mô hình sản xuất chính như sau:

- Vùng phát triển sản xuất lúa: Tổng diện tích 350,07ha, chủ yếu tập trung ở phía Nam của xã.

- Vùng phát triển trồng cây hàng năm: Tổng diện tích 296,45ha. Trong đó, đất trồng rau sạch là 24,8ha.

- Vùng phát triển trồng cây lâu năm: Tổng diện tích 651,83ha. Chủ yếu là mô hình trồng Xoài Cát, Xoài Úc, Táo.

- Vùng phát triển nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích 71,63ha. Các loại hải sản được nuôi chủ yếu trên vùng biển phía Đông của xã (vùng đầm Thủy Triều).

- Vùng phát triển trang trại chăn nuôi: Khu chăn nuôi tập trung diện tích 18ha, bố trí phía Tây xã, xa khu dân cư, giáp với xã Cam Hiệp Bắc.

- Vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cụm công nghiệp thuộc phía Tây xã: diện tích 40ha. Ngoài ra xã còn có các cơ sở kinh doanh: diện tích khoảng 23,11ha.

- Vùng phát triển thương mại dịch vụ: Chủ yếu tập trung phát triển dọc quốc lộ, khu vực trung tâm xã và dọc theo các trục đường liên xã.

Điều 8. Khu vực tôn giáo, di tích cần bảo tồn

- Nâng cấp và tôn tạo các công trình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn toàn xã nhằm duy trì các hoạt động văn hóa tín ngưỡng của người dân.

- Việc thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 9. Quy định chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật

9.1. Hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Mặt đường, lề đường, biển báo giao thông, biển tên đường (nếu có), hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng công cộng (nếu có), hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, đường ống, cây xanh.

9.2. Sau khi hoàn thành xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã, Chủ đầu tư phải bàn giao hồ sơ hoàn công và hiện trạng công trình về UBND huyện, UBND xã để quản lý theo quy định.

Điều 10. Hệ thống giao thông

10.1. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường giao thông trên địa bàn xã theo phân cấp.

10.2. Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đường giao thông trên địa bàn mình quản lý theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

10.3. Đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân, hộ gia đình khi sử dụng hè đường vào mục đích riêng, phải được đồng ý của UBND xã và phải đảm bảo các điều kiện:

- Không gây ảnh hưởng tới người đi bộ, tầm nhìn giao thông.
- Không làm hư hại đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Vệ sinh môi trường rác thải thường xuyên, không để đất, đá, rác thải xây dựng rơi vãi trên đường phố.

- Các trường hợp phải mở lối để chở vật liệu xây dựng công trình, san tạo đào, đắp mặt bằng và chở đất đá đổ đi phải đảm bảo VSMT thường xuyên.

10.4. Các quy định về kỹ thuật trong hệ thống giao thông:

- Các quy định về kích thước lô đất, mật độ xây dựng, quy cách hàng rào, góc vạt tại các giao lộ, lộ giới hẻm, quy định chiều cao, khoảng cách giữa 2 dãy nhà, giữa 2 công trình,... được căn cứ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Lộ giới: Được quy định và thể hiện cụ thể trong bản vẽ “Quy hoạch giao thông và chuẩn bị kỹ thuật toàn xã đến 2020”.

- Công trình xây dựng, cây xanh không được làm hạn chế tầm nhìn và che khuất các biển báo, tín hiệu điều khiển giao thông.

- Vạt góc tại ngã ba, ngã tư kích thước vạt góc tùy thuộc và góc cắt giao lộ và được tính từ giao điểm của hai chỉ giới đường đỏ.

Điều 11. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa

11.1. Được quy định và thể hiện cụ thể trong bản vẽ “Quy hoạch giao thông và chuẩn bị kỹ thuật toàn xã đến 2020”.

11.2. San nền: Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp. Xác định quỹ đất có khả năng phát triển xây dựng, tận dụng quỹ đất bằng chưa sử dụng.

11.3. Thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước đơn giản, hoàn chỉnh, phù hợp với địa hình khu vực. Xây mới hệ thống thoát nước mưa chung với nước thải.

Điều 12. Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc

12.1. Cấp điện:

- Nguồn điện: Giữ nguyên hiện trạng lưới điện nổi.

- Trạm biến áp: Giữ nguyên các trạm biến áp 3 pha có sẵn; nâng cấp các trạm biến áp hiện có từ 1 pha lên 3 pha. Làm mới các trạm biến áp 3 pha loại 160kva, 250kva. (phục vụ dân cư và công công); trạm biến áp 560kva (phục vụ các khu công nghiệp).

- Đường dây: Xây dựng và cải tạo đường dây trung thế 22kV, đường dây hạ thế 0,4kV và đường dây chiếu sáng.

12.2. Thông tin liên lạc:

- Đảm bảo cung cấp thông tin liên lạc đầy đủ và đúng quy định.

- Khi xây mới hoặc sửa chữa, lắp đặt các công trình thông tin liên lạc trên địa bàn phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan.

Điều 13. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước lấy nước từ nhà máy nước tại thị trấn Cam Đức, thông qua tuyến ống tải D400 trên đường Quốc Lộ 1A để cấp nước sinh hoạt cho xã.

- Khoảng cách ly bảo vệ các công trình trong hệ thống cấp nước: Các tuyến ống cấp nước sinh hoạt cũng như các công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước hiện có và quy hoạch trên địa bàn xã, quy định khoảng cách an toàn theo chiều ngang đến các công trình xây dựng khác là 2m, khoảng cách an toàn theo chiều đứng và chiều ngang đến công thoát nước thải sinh hoạt và đường dây điện hay thông tin liên lạc đặt ngầm là 1m.

Điều 14. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

14.1. Thoát nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng, khu dân cư được xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải từ phân và gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn được xử lý bằng bể Biogas.

- Hệ thống thoát nước của các cơ sở tiểu thủ công nghiệp có hệ thống thoát nước riêng (tách riêng nước thải sản xuất với nước mưa) và phải xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 5945-2005 trước khi xả ra môi trường hoặc trước khi xả vào chung với hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

14.2. Chất thải rắn (CTR):

- Chất thải rắn sinh hoạt: thực hiện phân loại CTR ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ủ, tạo phân vi sinh. CTR vô cơ chuyển đến các điểm thu gom và vận chuyển về khu xử lý CTR.

- CTR từ cụm CN-TTCN được thu gom riêng.

- Trang bị mỗi thôn 2-3 thùng đựng CTR và 2-3 xe đẩy để thu gom về bãi rác Dốc Đỏ, xã Cam An Nam.

14.3. Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang hiện trạng và giữ nguyên diện tích, không mở rộng thêm. Trong tương lai, khi nghĩa trang xã sử dụng hết diện tích thì việc chôn cất của người dân trong xã sẽ được chuyển về nghĩa trang tập trung của huyện.

CHƯƠNG V

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 15. UBND xã Cam Thành Bắc

15.1. Tổ chức cho mọi thành phần trên địa bàn nghiên cứu, học tập bản Quy chế này và triển khai công tác quản lý trên địa bàn.

15.2. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Cam Lâm quản lý quy hoạch đã công bố, quản lý đất đai trên địa bàn.

15.3. Tổng hợp báo cáo UBND huyện Cam Lâm về tình hình thực hiện quy hoạch nông thôn mới theo định kỳ và đột xuất báo cáo.

15.4. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện Cam Lâm về triển khai và thực hiện quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

Điều 16. Trách nhiệm của trưởng thôn

16.1. Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn mình quản lý thực hiện đúng Quy chế quản lý về quy hoạch xây dựng, nông thôn mới.

16.2. Kiểm tra phát hiện kịp thời những hành vi, vi phạm về quản lý trật tự xây dựng, những sự cố hư hỏng các công trình kỹ thuật hạ tầng báo về UBND xã, hoặc các cơ quan quản lý để có biện pháp xử lý theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

17.1. Các cá nhân, hộ gia đình phát hiện và báo cáo kịp thời đến trưởng thôn hoặc UBND xã về những hành vi, vi phạm các quy định của quy chế này.

17.2. Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định sau:

- Không lấn chiếm hoặc tự ý sử dụng các công trình giao thông như: mặt đường, lề đường, hệ thống thoát nước và hành lang an toàn cống, biên báo giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Không tự ý chặt tỉa, bẻ cây xanh, công viên, vườn hoa và những khu vực công cộng.

- Không đổ rác, đất đá và các chất thải ra mặt đường, lề đường, nơi công cộng và hệ thống thoát nước thải.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định.

Điều 19. Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn xã đều phải thực hiện theo đúng Quy chế này. Những điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi khác với quy định tại văn bản này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định này cho phép.

Điều 20. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy chế này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật.

Điều 21. Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, gồm 6 Chương, 21 Điều được ban hành và lưu giữ tại các nơi dưới đây để các đối tượng sử dụng biết và thực hiện:

- Sở Xây dựng;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Thành Bắc;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường./.